TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/LĐ- ST
Ngày 6-7-2022
*V/v: "*Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Như Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Kỳ Trung; nghề nghiệp: nguyên phó chủ tịch.

Nơi công tác: Liên đoàn lao động thị xã Trảng Bàng.

Ông Bùi Văn Thái; nghề nghiệp: Phó giám đốc Ngân hàng NNPT-NT Việt Nam chi nhánh thị xã Trảng Bàng.

Thư ký phiên tòa: bà Bùi Thị Hạnh- là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thướng– Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2020/TLST-LĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc: "Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST - LĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn**:** Anh Lê Thành A, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp X, xã TP, huyện GD, tỉnh TN.

Người đại diện theo ủy quyền của ông A: Anh Nguyễn Minh B, sinh năm 1993; cư trú tại: E8/3 đường TT, thị trấn TT, huyện BC, Thành phố HC (theo văn bản ủy quyền ngày 09-12-2020); có mặt.

Bị đơn**:** Công ty TNHH C; địa chỉ: Số 6 Khu công nghiệp Tr, phường AT, thị xã Tr tỉnh TâN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của Ông D: ông Ma Chi E và ông Wong Wai F, chức vụ phó Tổng giám đốc (theo văn bản ủy quyền số 22/10/2021/CV_LH ngày 22-10-2021).

Người đại diện theo ủy quyền của Ma Chi En và ông Wong Wai F:

+ Chị Nguyễn Trần Ngọc G, sinh năm 1983; cư trú tại: Khu phố GH, phường Tr, thị xã Tr, tỉnh TN; chức vụ: Trưởng phòng nhân sự Công ty TNHH C (theo văn bản ủy quyền ngày 09-12-2020), có mặt.

+ Chị Phạm Thị H, sinh năm 1982; cư trú tại: Khu phố AB, phường AT, thị

xã Tr, tỉnh TN, chức vụ: Trợ lý Giám đốc Công ty TNHH C (theo văn bản ủy quyền ngày 02-3-2022); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, Người đại diện theo ủy quyền của Lê Thành A - anh Nguyễn Minh B trình bày:

Anh A làm công nhân Công ty TNHH C (sau đây gọi tắt là công ty) từ ngày 04-3-2013, có thử việc 01 tháng, không có ký hợp đồng thử việc. Đến ngày 04-4-2013 anh A và công ty ký hợp đồng chính thức xác định thời hạn là 01 năm về mức lương anh A không nhớ. Khi hợp đồng lao động hết hạn ngày 04-4-2015 Công ty ký lại Hợp đồng không xác định thời hạn, anh A làm việc tại bộ phận may mặc, chuyền 12, với mức tiền lương cơ bản và phụ cấp là 5.644.326 đồng/tháng.

Trong quá trình làm việc anh A luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao, chưa bị kỷ luật lao động lần nào. Ngày 23-4-2020, Phó Giám đốc công ty thông báo miệng là sa thải anh A do lỗi không đeo khẩu trang và chống đối; đồng thời không cho anh A vào Công ty làm việc từ ngày 23-4-2020 theo hợp đồng đã ký.

Ngày 24-4-2020 anh A làm đơn yêu cầu Phòng Lao động thương binh và xã hội thị xã Trảng Bàng hòa giải tranh chấp lao động cá nhân. Ngày 23-6-2020 Hòa giải viên tiến hành hòa giải nhưng không thành, theo biên bản hòa giải thì đại diện công ty đã thừa nhận Phó Giám đốc công ty Quyết định buộc thôi việc đối với anh A kể từ ngày 23-4-2020 với lý do không đeo khẩu trang trong thời gian phòng chống dịch Covid-19, lý do công ty đưa ra anh A không đồng ý vì thực tế anh A có đeo khẩu trang khi làm việc nhưng do bị rơi nên chưa kịp đi lấy khẩu trang khác đeo lại.

Do đó, việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của công ty là trái pháp luật. Nay anh A không mong muốn trở lại làm việc nhưng yêu cầu công ty phải bồi thường tổng cộng 119.631.000 đồng, gồm các khoản:

- Trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế từ ngày 01-5-2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính): 5.644.000 đồng x 10 tháng = 68.574.600 đồng.

- Trả ít nhất 02 tháng tiền lương và phụ cấp lương: 5.644.000 đồng x 02 tháng = 11.288.000 đồng

- Bồi thường tiền vi phạm thời gian báo trước 45 ngày: (5.644.000 đồng : 26 ngày) x 45 ngày = 9.768.400 đồng.

Ngoài ra Ngoài ra anh A yêu cầu công ty trả sổ bảo hiểm xã hội, bồi thường danh dự và chi phí quá trình khiếu nại đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và việc ảnh hưởng đến gia đình anh A phải vay mượn kiếm sống những tháng dịch bệnh Covid-19 số tiền 30.000.000 đồng.

Ngày 04-3-2022 anh A thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Công ty TNHH C bồi thường số tiền 196.923.000 đồng do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, gồm các khoản:

- Trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 01/5/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính):

(5.644.000 đồng x 24 tháng) x 21,5% (BHXH, BHYT, BHTN) = 29.123.000 đồng.

- Trả tiền lương từ ngày 01-5-2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính):

5.644.000 đồng x 24 tháng = 135.456.000 đồng.

- Trả thêm ít nhất 02 tháng tiền lương và phụ cấp lương do cho thôi việc trái pháp luật: 5.644.000 đồng x 02 tháng = 11.288.000 đồng

- Yêu cầu bồi thường 02 tháng tiền lương để chấm dứt hợp đồng lao động do anh A không muốn trở lại công ty làm việc: 5.644.000 đồng x 02 tháng = 11.288.000 đồng

- Bồi thường tiền vi phạm thời gian báo trước 45 ngày: (5.644.000 đồng : 26 ngày) x 45 ngày = 9.768.400 đồng.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện bị đơn chị Nguyễn Trần Ngọc G và chị Phạm Thị H trình bày:

Xác nhận anh A vào làm việc tại Công ty vào ngày 04 -3-2013, có thử việc 01 tháng; đến ngày 04-4-2013 ký hợp đồng chính thức và được phân công làm công nhân chuyền may. Trong quá trình làm việc tại công ty, anh A thường xuyên vi phạm nội quy công ty nhưng công ty chỉ nhắc nhở không lập biên bản, khoảng tháng 02-2020 anh A lại tiếp tục vi phạm nội quy công ty như nghỉ không xin phép, hâm dọa đánh tổ trưởng, không đeo khẩu trang trong giờ làm việc (thực hiện phòng chống dịch bệnh Covid-19), không thực hiện công việc do quản lý giao và thường xuyên bỏ vị trí làm việc đi nơi khác.

Ngày 12-02-2020 công ty lập biên bản vi phạm về hành vi nghỉ không phép đối với anh A, xử phạt cảnh cáo; ngày 12-3-2020 công ty lập biên bản vi phạm về hành vi chống đối cấp trên, xử phạt cảnh cáo lần 2; ngày 24-4-2020 công ty lập biên bản vi phạm về hành vi không đeo khẩu trang theo quy định phòng chống dịch bệnh Covid-19, xử phạt cảnh cáo lần 3.

Do anh A nhiều lần vi phạm nên ngày 23-4-2020 công ty họp và quyết định sa thải đối với anh A và đã ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với anh A, tại cuộc họp ngày 23-4-2020 có anh A tham gia.

Việc công ty chấm dứt hợp đồng lao động với anh A là thực hiện theo đúng quy định của công ty, công ty không vi phạm.

Do đó, công ty không chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của anh A, công ty chỉ đồng ý hỗ trợ anh A 30.000.000 đồng, không bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của BLTTDS về thụ lý vụ án, xác minh thu thập tài liệu chứng cứ, việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và các thủ tục tố tụng khác. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng đại diện của bị đơn vắng mặt không lý do trong buổi đối chất, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự, làm khó khăn, kéo dài thời gian giải quyết vụ án, vi phạm Điều 70, 72 BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 38, 42 Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Lê Thành A đối với Công ty TNHH C. Tuyên bố Quyết định số 20-4202/QĐ-LH ngày 23/4/2020 của Công ty TNHH C, chấm dứt hợp đồng lao động đối với anh Lê Thành A là trái pháp luật.

Buộc Công ty TNHH C có trách nhiệm bồi thường cho anh Lê Thành A theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Công ty TNHH C phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Nguyễn Thành A khởi kiện Công ty TNHH C đòi bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Toà án thụ lý giải quyết theo điểm a khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Thời hiệu khởi kiện trong tranh chấp lao động là 01 năm kể từ ngày phát hiện quyền và lợi ích của mình bị vi phạm theo quy định tại khoản 2 Điều 202 Bộ luật lao động, trong vụ án này công ty TNHH C cho anh A nghỉ việc tháng 04-2020 nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[3] Xét việc thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện của anh A: tại đơn khởi kiện anh A yêu cầu công ty TNHH C bồi thường danh dự và chi phí quá trình khiếu nại đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và việc ảnh hưởng đến gia đình anh A phải vay mượn kiếm sống những tháng dịch bệnh Covid-19 số tiền 30.000.000 đồng. Đến ngày 04 tháng 3 năm 2022, anh A có đơn đề thay đổi bổ sung đơn khởi kiện, không yêu cầu khoản bồi thường này. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của anh A không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nội dung: ngày 04-3-2013, anh A vào làm việc tại công ty TNHH C, có thử việc 01 tháng nhưng không có ký hợp đồng thử việc, đến ngày 04-4-2013 hai bên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn là 01 năm; mức lương chính thức được hưởng là 2.318.000 đồng không có phụ cấp; nhiệm vụ là bộ phận "May" chuyền 12. Đến ngày 04-4-2014 ký tiếp hợp đồng xác định thời hạn 01 năm với mức lương là 2.688.000 đồng, không có phụ cấp. Đến ngày 04-4-2015 ký hợp đồng không xác định thời hạn với mức lương là 3.068.000 đồng, không có phụ cấp. Sau đó, khi có tăng lương thì anh A và công ty sẽ ký phụ lục hợp đồng lao động. Phụ lục cuối cùng được ký ngày 02-01-2020, nội dung phụ lục không thay đổi về công việc chỉ thay đổi mức lương; mức lương chính thức được hưởng là

5.644.000 đồng, trong đó gồm: lương cơ bản là 4.624.326 đồng; các khoản phụ cấp gồm: thâm niên 100.000 đồng; thưởng chuyên cần 100.000 đồng; hỗ trợ sinh hoạt 470.000 đồng; hỗ trợ xăng dầu 350.000 đồng; tiền cơm 14.000 đồng. Ngày 23-4-2020 Công ty ban hành Quyết định chấm dứt HĐLĐ số 20-42020 chấm dứt hợp đồng lao động với anh A, thời điểm chấm dứt hợp đồng là vào ngày 23-4-2020. Lý do ghi tại Quyết định là: Xét Đơn xin thôi việc của anh Lê Thành A nguyên là Công nhân. Anh A không đồng ý nên khởi kiện.

Xét việc công ty TNHH C cho rằng công ty xử lý kỷ luật sa thải đối với anh A, nhận thấy: Tại hồ sơ do công ty cung cấp gồm có 02 quyết định gồm: Quyết định sa thải không số và không ngày tháng, Quyết định chấm dứt HĐLĐ số 20-42020 ngày 23-4-2020. Theo lời trình bày của đại diện bị đơn Quyết định sa thải là quyết định kỷ luật đối với anh A, công ty ban hành nội bộ. Từ Quyết định kỷ luật này Công ty mới ban hành Quyết định chấm dứt HĐLĐ số 20-42020 ngày 23-4-2020 để chấm dứt hợp đồng với anh A và gửi các cơ quan hành chính khác. Tuy nhiên tại Quyết định chấm dứt HĐLĐ số 20-42020 ngày 23-4-2020 ngay phần Xét Đơn xin thôi việc của anh Lê Thành A nguyên là Công nhân là do khâu đánh máy bị sai; đúng phải là xét Quyết định sa thải về việc thi hành kỷ luật lao động. Xét việc công ty cho rằng xử lý kỷ luật sa thải anh A với lý do "anh A thường xuyên vi phạm nội quy công ty nhưng công ty chỉ nhắc nhở không lập biên bản", tuy nhiên trong các biên bản vi phạm lại không có chữ ký của người vi phạm; căn cứ ban hành Quyết định sa thải của công ty lại không phải là biên bản của anh A; trình tự xử lý kỷ luật anh A không đúng Theo quy đinh tại Điều 123; 126 Bộ luật Lao động 2012. Hơn nữa, nếu công ty áp dụng hình thức xử lý kỷ lao động với hình thức sa thải đối với anh A thì phải ban hành quyết định Sa thải và thẩm quyền ký quyết định phải theo quy định tại Điều 01 Nghị định 148/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chính Phủ và khoản 4 Điều 12 Thông Tư 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Bộ Lao động-Thương binh và xã Hội "*4. Trường hợp người giao kết hợp đồng lao động bên phía người sử dụng lao động ủy quyền hợp pháp bằng văn bản cho người khác giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP thì khi tiến hành cuộc họp xử lý luật lao động, người được ủy quyền giao kết hợp đồng lao động tiến hành triệu tập và chủ trì cuộc họp xử lý kỷ luật lao động.*

Người được ủy quyền giao kết hợp đồng lao động có quyền ra quyết định xử lý kỷ luật lao động theo hình thức khiển trách. Đối với các hình thức xử lý kỷ luật lao động khác thì sau khi kết thúc cuộc họp xử lý kỷ luật lao động, người được ủy quyền giao kết hợp đồng lao động có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, đề nghị người sử dụng lao động xem xét, ra quyết định và tổ chức thực hiện theo quyết định xử lý kỷ luật lao động được ban hành".

Tuy nhiên, công ty lại ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với anh A và không gửi Quyết định cho người lao động là không đúng quy định theo quy định pháp luật lao động. Do đó, không có căn cứ xác định đây là hình thức xử lý kỷ luật lao động mà là hình thức đơn phương chấm dứt hợp đồng lao đồng. Việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của công ty TNHH C đối với anh A là không đúng theo quy định tại Điều 38 Luật lao động. Do Công ty đơn phương

chấm dứt hợp đồng lao động với anh A trái pháp luật, nên yêu cầu khởi kiện của anh A là có căn cứ chấp nhận; tuy nhiên mức yêu cầu của anh A không phù hợp theo quy định tại Điều 42 Bộ luật lao động, nên được tính lại cụ thể như sau:

- 45 ngày do không báo trước (tương đương 1,5 tháng lương) là: (4.624.326 đồng x 1,5) = 6.936.489 đồng.

- Tiền lương trong những ngày anh A không được làm việc, tính từ ngày 01-5-2020 đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm 06-7-2022 (26 tháng 05 ngày): [4.624.326 đồng x 26 tháng] + [(4.624.326 đồng: 26) x 05] = 121.121.769 đồng.

- Bồi thường 02 tháng tiền lương do Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 4.624.326đồng/tháng x 2 tháng = 9.248.652đồng.

- Theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29-12-2015 Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định thống nhất về mức tiền lương đóng bảo hiểm xã hội. Theo quy định trên thì người sử dụng lao động phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động trong thời gian không được làm việc. Tuy nhiên, do anh A đã chốt sổ bảo hiểm và đã nhận lại sổ bảo hiểm nên cần buộc Công ty trả số tiền trên cho anh A tính từ ngày nghỉ việc (05-2020) đến thời gian Tòa xét xử sơ thẩm (7-2022) là 26 tháng x 4.624.326 đồng x 21,5%=25.849.982 đồng.

Tổng cộng các khoản là 163.156.892 đồng làm tròn 163.157.000 (một trăm sáu mươi ba triệu một trăm năm mươi bảy nghìn) đồng.

[5] Như phân tích trên có sơ sở chấp nhận toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án.

[6] Về án phí: Anh A được miễn án phí lao động theo quy định của pháp luật. Công ty TNHH C phải chịu tiền án phí lao động sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 38, 42 Bộ luật lao động 2012; Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ Ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thành A về: "Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động" đối với Công ty TNHH C.

Tuyên Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 20-42020 ngày 23-4-2020 của công ty TNHH C là trái pháp luật.

2. Buộc Công ty TNHH C phải có nghĩa vụ bồi thường cho ah Lê Thành A số tiền 163.157.000 (một trăm sáu mươi ba triệu một trăm năm mươi bảy nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thành A yêu cầu Công ty TNHH C trả số tiền 33.000.000 đồng.

4. Về án phí:

- Anh Lê Thành A được miễn án phí lao động sơ thẩm

- Công ty trách nhiệm hữu hạn C phải chịu số tiền 4.895.000 (bốn triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí lao động sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hà Như Thủy